Chi tiết mã HS 0308.19.20

Mã HS	0308.19.20
Mô tả hàng hóa	Động vật thủy sinh không xương sống trừ động vật giáp xác và động vật thân mềm, sống, tươi, ướp lạnh, đông lạnh, khô, muối hoặc ngâm nước muối; động vật thủy sinh không xương sống hun khói trừ động vật giáp xác và động vật thân mềm, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói / - Hải sâm (Stichopus japonicus, Holothurioidea): / - - Loại khác: / - - - Khô, muối hoặc ngâm nước muối
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	08/11/2026 13:22:18
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/03081920/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K758
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N758
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q758
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ758
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.7	5,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E757
ATIGA	2022	2022	0	AT!E758
ATIGA	2023	2023	0	AT!F758
ATIGA	2024	2024	0	AT!G758
ATIGA	2025	2025	0	AT!H758
ATIGA	2026	2026	0	AT!I758
ATIGA	2027	2027	0	AT!J758
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E760
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F760
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G760
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H760

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I760
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J760
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E762
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F762
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G762
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H762
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I762
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J762
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F764
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H759
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F760
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G760
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H760
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I760
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J760
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K760
VKFTA	2022	2022	0	VK!E758
VKFTA	2023	2023	0	VK!F758
VKFTA	2024	2024	0	VK!G758
VKFTA	2025	2025	0	VK!H758
VKFTA	2026	2026	0	VK!I758
VKFTA	2027	2027	0	VK!J758
VCFTA	2022	2022	11	VC!D769
VCFTA	2023	2023	9	VC!E769
VCFTA	2024	2024	6	VC!F769
VCFTA	2025	2025	4	VC!G769

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	2	VC!H769
VCFTA	2027	2027	0	VC!I769
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D766
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E766
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F766
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G766
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H766
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I766
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D172
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E172
AHKFTA	2022	2022	6	AKH!D775
AHKFTA	2023	2023	4	AKH!E775
AHKFTA	2024	2024	4	AKH!F775
AHKFTA	2025	2025	2	AKH!G775
AHKFTA	2026	2026	2	AKH!H775
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I775
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D759
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E759
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F759
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G759
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H759
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I759
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D761
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E761
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F761
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G761

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H761
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I761
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D759
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E759
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F759
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G759
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H759
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I759
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J759
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D762
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E762
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F762
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G762
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H762
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I762
RCEP B	2022	2022	0	B!D762
RCEP B	2023	2023	0	B!E762
RCEP B	2024	2024	0	B!F762
RCEP B	2025	2025	0	B!G762
RCEP B	2026	2026	0	B!H762
RCEP B	2027	2027	0	B!I762
RCEP C	2022	2022	0	C!D762
RCEP C	2023	2023	0	C!E762
RCEP C	2024	2024	0	C!F762
RCEP C	2025	2025	0	C!G762
RCEP C	2026	2026	0	C!H762

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I762
RCEP D	2022	2022	0	D!D762
RCEP D	2023	2023	0	D!E762
RCEP D	2024	2024	0	D!F762
RCEP D	2025	2025	0	D!G762
RCEP D	2026	2026	0	D!H762
RCEP D	2027	2027	0	D!I762
RCEP E	2022	2022	0	E!D762
RCEP E	2023	2023	0	E!E762
RCEP E	2024	2024	0	E!F762
RCEP E	2025	2025	0	E!G762
RCEP E	2026	2026	0	E!H762
RCEP E	2027	2027	0	E!I762
RCEP F	2022	2022	0	F!D762
RCEP F	2023	2023	0	F!E762
RCEP F	2024	2024	0	F!F762
RCEP F	2025	2025	0	F!G762
RCEP F	2026	2026	0	F!H762
RCEP F	2027	2027	0	F!I762
VIFTA	2024	2024	8,6	VI!F747
VIFTA	2025	2025	7.1	VI!G747
VIFTA	2026	2026	5.7	VI!H747
VIFTA	2027	2027	4.3	VI!I747

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)		17/2023/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0308.19 có 2 dòng thuế; dòng 0308.19.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Khô, muối hoặc ngâm nước muối.	0308.19.30 Hun khói	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0308.19.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 0308.19.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N758), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.